

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4073/2008/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 15 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục, trách nhiệm pháp lý
trong việc xử lý vi phạm hành chính thuộc các lĩnh vực đất đai,
hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị, quản lý
sử dụng nhà; trình tự, thủ tục ra quyết định cưỡng chế
và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất; trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất;

Theo đề nghị của Phó Trưởng phòng Tư pháp thành phố Tuy Hòa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục, trách nhiệm pháp lý trong việc xử lý vi phạm hành chính thuộc các lĩnh vực đất đai, hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị, quản lý sử dụng nhà; trình tự, thủ tục ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Phó Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Thường trực Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố; Chủ tịch UBND các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đào Tấn Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Trình tự, thủ tục, trách nhiệm pháp lý trong việc xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai, hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị, quản lý sử dụng nhà; trình tự thủ tục ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4073/2008/QĐ-UBND

ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực đất đai, hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị, quản lý sử dụng nhà; quy định trình tự thủ tục ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất;

b) Quy định trách nhiệm pháp lý đối với cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật hoặc thực hiện nhiệm vụ theo Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng:

Mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính, người có đất bị thu hồi và cưỡng chế thu hồi đất trong địa bàn thành phố Tuy Hòa.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng Quy định

1. Tuyệt đối tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trình tự thủ tục cưỡng chế thu hồi đất trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý, xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với những nhiệm vụ, công việc cụ thể chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan có thẩm quyền thì áp dụng Quy định này nhưng không được trái với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao hơn.

Điều 3. Những cụm từ viết tắt trong Quy định này được hiểu như sau

1. (QĐ.XPHC) đọc là “quyết định xử phạt vi phạm hành chính”.
2. (QĐ.KPHQ) đọc là “quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra”.
3. (QĐ.CCHC) đọc là “quyết định cưỡng chế hành chính”.
4. (BB.VPHC) đọc là “biên bản vi phạm hành chính”.
5. (UBND) đọc là “Ủy ban nhân dân”.
6. (HĐBT.HT và TĐC) đọc là “Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư”.

Chương II**TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỐI VỚI HỒ SƠ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH,
HỒ SƠ CƯỖNG CHẾ THU HỒI ĐẤT**

Điều 4. Quy định trách nhiệm pháp lý đối với cá nhân, tổ chức trong biên bản vi phạm hành chính và các loại biên bản khác liên quan đến hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất

1. Đối với biên bản vi phạm hành chính:

Người đứng đầu cơ quan của cán bộ được phân công lập BB.VPHC chịu trách nhiệm pháp lý về nội dung, hình thức biên bản; về xác định đối tượng vi phạm và hành vi vi phạm hành chính của đối tượng vi phạm trên nguyên tắc sau đây:

a) Chủ tịch UBND các phường, xã chịu trách nhiệm pháp lý đối với BB.VPHC do cán bộ phường, xã lập; biên bản do cán bộ phường, xã phối hợp với cán bộ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố lập nhưng thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND các phường, xã hoặc thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND thành phố nhưng Chủ tịch UBND các phường, xã có văn bản đề nghị;

b) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố chịu trách nhiệm pháp lý BB.VPHC do cán bộ thuộc quyền lập; biên bản do cán bộ thuộc quyền phối hợp cán bộ phường, xã lập mà mình là người có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND phường, xã hoặc Chủ tịch UBND thành phố xử lý.

2. Trách nhiệm pháp lý đối với các loại biên bản khác liên quan đến hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất:

a) Chủ tịch UBND các phường, xã, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố chịu trách nhiệm pháp lý đối với biên bản do cán bộ thuộc quyền lập;

b) Biên bản do cán bộ nhiều cơ quan phối hợp lập thì trách nhiệm pháp lý thuộc người đứng đầu cơ quan chủ trì theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Quy định này hoặc cơ quan được người có thẩm quyền phân công chủ trì.

Điều 5. Trách nhiệm pháp lý đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra, quyết định cưỡng chế hành chính, quyết định cưỡng chế thu hồi đất

1. Chủ tịch UBND thành phố, Chủ tịch UBND các phường, xã chịu trách nhiệm pháp lý đối với quyết định của mình ký ban hành.

2. Phó Chủ tịch UBND thành phố, Phó Chủ tịch UBND các phường, xã là người được Chủ tịch cùng cấp ủy quyền chịu trách nhiệm pháp lý quyết định của mình ký ban hành.

3. Trưởng phòng Tư pháp thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố đối với các quyết định do Chủ tịch UBND thành phố hoặc người được Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền ký ban hành mà trước đó đã giao cho Phòng Tư pháp thẩm định, bao gồm:

a) Tính pháp lý trong việc áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm;

b) Tính pháp lý về trình tự thủ tục lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy định này.

4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố đối với các quyết định do Chủ tịch UBND thành phố hoặc người được Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền ký ban hành, bao gồm:

a) Toàn bộ hình thức, nội dung quyết định;

b) Toàn bộ quá trình tiếp nhận, kiểm tra, soạn thảo, trình ký, phát hành quyết định.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH HOẶC LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CHỦ TỊCH UBND CÁC PHƯỜNG, XÃ

Điều 6. Lập biên bản vi phạm hành chính

1. Chủ tịch UBND các phường, xã phải bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra tình hình trên địa bàn, kịp thời phát hiện các vi phạm hành chính, độc lập hoặc chủ động phối hợp với cán bộ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố lập

BB.VPHC theo Điều 55 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngay khi phát hiện hành vi vi phạm.

2. Hình thức, nội dung biên bản vi phạm hành chính:

- a) BB.VPHC phải được lập tại hiện trường nơi xảy ra vi phạm;
- b) Phải đúng biểu mẫu quy định;
- c) Xác định đối tượng vi phạm, hành vi vi phạm, hiện trường vi phạm;
- d) Căn cứ để xác định hành vi vi phạm hành chính.

3. Ký tên trong BB.VPHC:

a) Các thành viên tham gia lập biên bản và đối tượng vi phạm phải ký và ghi rõ họ tên vào biên bản theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

b) Trường hợp người vi phạm vắng mặt hoặc có mặt tại nơi lập biên bản nhưng không ký vào biên bản thì người viết biên bản phải ghi rõ lý do, đồng thời phải có người chứng kiến ký vào biên bản;

c) Trước khi ra QĐ.XPHC, QĐ.KPHQ, Chủ tịch UBND các phường, xã phải ký vào cột “người có thẩm quyền xử phạt” trong BB.VPHC.

Trường hợp BB.VPHC được chuyển cho Chủ tịch UBND thành phố xử lý theo thẩm quyền thì trước khi chuyển hồ sơ đề nghị, Chủ tịch UBND các phường, xã ký vào cột “đại diện chính quyền” trong BB.VPHC.

4. Giao BB.VPHC cho người vi phạm:

a) Biên bản lập xong phải được giao ngay cho người vi phạm 01 bản (chưa có chữ ký Chủ tịch UBND các phường, xã quy định tại điểm c, khoản 3 Điều này);

b) Trường hợp người vi phạm vắng mặt không rõ lý do, cố ý vắng mặt, BB.VPHC được chuyển cho người vi phạm cùng thời điểm chuyển giao QĐ.XPHC hoặc QĐ.KPHQ theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 7. Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra hoặc lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xử lý vi phạm hành chính

1. Đối với vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND các phường, xã:

Tối đa 08 ngày làm việc kể từ ngày lập BB.VPHC hoặc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố theo khoản 1 Điều 13 Quy định này, Chủ tịch UBND các phường, xã phải ban hành QĐ.XPHC hoặc QĐ.KPHQ (nếu hết thời hiệu xử phạt); trường hợp

vụ việc phức tạp, cần xác minh, thu thập chứng cứ, thời gian có thể được kéo dài nhưng không quá 25 ngày làm việc.

2. Đối với vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND thành phố:

Tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày lập BB.VPHC, Chủ tịch UBND các phường, xã phải lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xử lý vi phạm hành chính.

Hồ sơ đề nghị gồm có:

- Bản gốc BB.VPHC;
- Văn bản báo cáo vụ việc vi phạm hành chính, đề xuất hướng xử lý;
- Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Điều 8. Chuyển giao quyết định

1. Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày ký, quyết định phải được chuyển giao cho người vi phạm. Việc chuyển giao quyết định phải được lập thành biên bản, người vi phạm phải trực tiếp ký vào biên bản chuyển giao quyết định. (MS 01)

2. Trường hợp người vi phạm có mặt nhận hoặc không nhận quyết định nhưng không ký vào biên bản chuyển giao quyết định thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do người vi phạm không ký vào biên bản.

Biên bản phải được đọc lại cho người vi phạm và mọi người cùng nghe, các thành viên tham gia lập biên bản và người chứng kiến cùng ký vào biên bản.

3. Trường hợp người vi phạm vắng mặt không rõ lý do; cố ý vắng mặt hoặc cư trú ở địa điểm khác nơi xảy ra vi phạm thì việc chuyển giao quyết định được thực hiện như sau:

a) Nếu người vi phạm cư trú trong địa bàn thành phố Tuy Hòa nhưng ở địa điểm khác nơi xảy ra vi phạm mà người có trách nhiệm chuyển giao quyết định xác định được địa phương người vi phạm cư trú thì chủ động phối hợp với chính quyền phường, xã nơi đó để chuyển giao quyết định theo trình tự thủ tục được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Nếu người vi phạm cư trú ngoài địa bàn thành phố Tuy Hòa hoặc trong địa bàn thành phố Tuy Hòa nhưng vắng mặt tại địa điểm vi phạm không rõ lý do mà người có trách nhiệm chuyển giao quyết định không xác định được nơi cư trú hoặc người vi phạm cố ý vắng mặt thì người có trách nhiệm chuyển giao quyết định vẫn phải lập biên bản chuyển giao quyết định tại địa điểm vi phạm.

Nội dung biên bản phải thể hiện nguyên nhân người vi phạm vắng mặt, đồng thời trong biên bản phải nêu rõ văn bản chuyển giao sẽ được niêm yết tại trụ sở UBND phường, xã nơi xảy ra vi phạm trong thời gian 10 ngày kể từ ngày lập biên bản chuyển giao này.

Biên bản phải được đọc lại cho mọi người cùng nghe, các thành viên tham gia lập biên bản và người chứng kiến cùng ký vào biên bản.

4. Niêm yết quyết định:

Việc niêm yết quyết định theo điểm b khoản 3 Điều này phải được lập thành biên bản, nội dung biên bản phải thể hiện: tên loại, số, ngày, tháng, năm ban hành văn bản niêm yết; thời điểm bắt đầu và kết thúc việc niêm yết; lý do niêm yết; người chứng kiến việc niêm yết. (MS 02)

Biên bản niêm yết phải có chữ ký của người lập biên bản; Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND các phường, xã; đại diện Mặt trận hoặc các đoàn thể; người chứng kiến việc niêm yết.

Điều 9. Kiểm tra việc thực hiện quyết định đối với người vi phạm

1. Sau khi quyết định được chuyển giao hoặc được niêm yết theo Điều 8 Quy định này, Chủ tịch UBND các phường, xã phải cử cán bộ kiểm tra, đôn đốc người vi phạm thực hiện quyết định.

2. Nếu quá thời hạn tự nguyện chấp hành được ghi trong quyết định mà người vi phạm chưa thực hiện thì lập biên bản về việc người vi phạm không thực hiện QĐ.XPHC; QĐ.KPHQ. (MS 03)

Biên bản này là cơ sở để ra QĐ.CCHC.

3. Trường hợp quyết định đã được chuyển giao hoặc được niêm yết theo Điều 8 Quy định này, còn trong thời hạn tự nguyện chấp hành được ghi trong quyết định mà người vi phạm vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính đã bị xử phạt thì Chủ tịch UBND các phường, xã phải phân công cán bộ lập biên bản về việc cố ý không thực hiện QĐ.XPHC (hoặc QĐ.KPHQ), tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính, đồng thời Chủ tịch UBND các phường, xã phải ra QĐ.CCHC hoặc đề nghị Chủ tịch UBND thành phố ra QĐ.CCHC ngay sau khi phát hiện hành vi tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm. QĐ.CCHC này không phụ thuộc vào thời hạn quy định tự nguyện chấp hành ghi trong QĐ.XPHC hoặc QĐ.KPHQ.

Điều 10. Trình tự thủ tục Chủ tịch UBND các phường, xã ban hành quyết định cưỡng chế hành chính

1. Tối đa 20 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện chấp hành ghi trong QĐ.XPHC hoặc QĐ.KPHQ (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy định này) mà người vi phạm chưa thực hiện quyết định đó thì Chủ tịch UBND các phường, xã phải ra QĐ.CCHC.

2. Hồ sơ cần đủ để ra QĐ.CCHC gồm:

a) BB.VPHC;

b) QĐ.XPHC hoặc QĐ.KPHQ;

c) Biên bản chuyển giao quyết định; biên bản niêm yết quyết định (nếu có);

d) Biên bản về việc người vi phạm không thực hiện QĐ.XPHC, QĐ.KPHQ.

3. Chuyển giao QĐ.CCHC:

a) Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày ký, QĐ.CCHC phải được chuyển giao cho đối tượng vi phạm theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 8 Quy định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, phải gửi QĐ.CCHC cho UBND thành phố, Trưởng Công an cùng cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thủ tục Chủ tịch UBND các phường, xã đề nghị Chủ tịch UBND thành phố ra quyết định cưỡng chế hành chính để thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra của Chủ tịch UBND các phường, xã ký ban hành

1. Tối đa 20 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện chấp hành được ghi trong QĐ.XPHC hoặc QĐ.KPHQ (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy định này) mà người vi phạm chưa thực hiện quyết định đó thì Chủ tịch UBND các phường, xã phải lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thành phố ra QĐ.CCHC nếu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Hồ sơ đề nghị theo khoản 1 Điều này gồm có:

- Bản sao có chứng thực BB.VPHC;
- Bản gốc QĐ.XPHC hoặc QĐ.KPHQ;
- Bản sao có chứng thực biên bản chuyển giao quyết định; biên bản niêm yết quyết định (nếu có);
- Bản gốc biên bản về việc người vi phạm không thực hiện QĐ.XPHC, QĐ.KPHQ;
- Tờ trình có nội dung nêu rõ vụ việc vi phạm hành chính, lý do đề nghị Chủ tịch UBND thành phố ra QĐ.CCHC;
- Bản sao giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND THÀNH PHỐ TRONG VIỆC LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH, LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHỦ TỊCH UBND CÁC PHƯỜNG, XÃ HOẶC CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ XỬ LÝ

Điều 12. Lập biên bản vi phạm hành chính

Bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra tình hình vi phạm hành chính thuộc các lĩnh vực mình phụ trách trên địa bàn, kịp thời phát hiện các vi phạm hành chính, độc lập hoặc chủ động phối hợp với cán bộ UBND các phường, xã lập BB.VPHC theo quy định tại khoản 2; điểm a, b khoản 3; khoản 4 Điều 6 Quy định này ngay khi phát hiện hành vi vi phạm.

Điều 13. Lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND các phường, xã hoặc Chủ tịch UBND thành phố xử lý

Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày lập BB.VPHC, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố căn cứ thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật phải lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND các phường, xã hoặc Chủ tịch UBND thành phố xử lý vi phạm hành chính theo quy định sau đây:

1. Trường hợp đề nghị Chủ tịch UBND các phường, xã xử lý:

a) Chỉ đạo cán bộ thuộc quyền chuyển bản gốc BB.VPHC (có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn trong biên bản) cho Chủ tịch UBND các phường, xã xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính đơn giản thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND các phường, xã;

b) Đối với các vi phạm hành chính mà cán bộ các phường, xã khó nhận biết được (liên quan đến chuyên ngành kỹ thuật) và hành vi đó thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND các phường, xã thì Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố phải lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND các phường, xã xử lý vi phạm hành chính.

Hồ sơ gồm có:

- Bản gốc BB.VPHC (có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn trong biên bản);

- Công văn đề nghị xử lý vi phạm hành chính;

- Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

2. Trường hợp đề nghị Chủ tịch UBND thành phố xử lý:

Hồ sơ gồm có:

- Bản gốc BB.VPHC (có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn trong biên bản);

- Văn bản báo cáo vụ việc vi phạm hành chính, đề xuất hướng xử lý;

- Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Chương V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH CỦA CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ

Điều 14. Trình tự thủ tục ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra của Chủ tịch UBND thành phố

1. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố:

a) Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND các phường, xã theo khoản 2 Điều 7 Quy định này; của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố theo khoản 2 Điều 13 Quy định này phải kiểm tra hồ sơ, dự thảo, trình ký, phát hành quyết định đối với vụ việc vi phạm hành chính đơn giản;

Trường hợp vi phạm hành chính phức tạp, cần thẩm tra, xác minh thời gian trên có thể được kéo dài nhưng không quá 20 ngày làm việc;

b) Đối với vụ việc vi phạm hành chính mà Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến yêu cầu Phòng Tư pháp thẩm định thì không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính theo điểm a khoản này, Văn phòng HĐND và UBND thành phố chuyển hồ sơ xử lý vi phạm hành chính cho Phòng Tư pháp thẩm định.

Hồ sơ chuyển Phòng Tư pháp thẩm định gồm có:

- Bản phôtô toàn bộ hồ sơ do Chủ tịch UBND các phường, xã hoặc Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố chuyển đến;

- Dự thảo quyết định;

- Công văn yêu cầu thẩm định;

c) Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp, phải chỉnh lý dự thảo quyết định (nếu có), trình ký, phát hành quyết định.

2. Trách nhiệm Trưởng phòng Tư pháp thành phố:

a) Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thẩm định theo điểm b, khoản 1 Điều này có báo cáo thẩm định bằng văn bản gửi Chủ tịch UBND thành phố (qua Văn phòng HĐND và UBND thành phố);

b) Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính phức tạp, cần thẩm tra, xác minh thời gian trên có thể được kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc.

Điều 15. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch UBND các phường, xã trong việc chuyển giao quyết định xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND thành phố cho đối tượng vi phạm

1. Sau 01 ngày kể từ ngày ký ban hành quyết định, Văn phòng HĐND và UBND thành phố chuyển bản gốc quyết định xử lý vi phạm hành chính cho người được Chủ tịch UBND thành phố giao nhiệm vụ chuyển giao quyết định cho người vi phạm.

2. Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định do Văn phòng HĐND và UBND thành phố chuyển đến theo khoản 1 Điều này, người được Chủ tịch UBND thành phố giao nhiệm vụ chuyển giao quyết định cho người vi phạm phải hoàn thành việc chuyển giao quyết định theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 8 Quy định này và gửi ngay bản gốc biên bản chuyển giao quyết định; biên bản niêm yết quyết định (nếu có) cho Chủ tịch UBND thành phố (qua Văn phòng HĐND và UBND thành phố).

Điều 16. Trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc người vi phạm thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra của Chủ tịch UBND thành phố; lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thành phố ra quyết định cưỡng chế hành chính

1. Sau khi quyết định được chuyển giao (hoặc niêm yết) cho người vi phạm, người được Chủ tịch UBND thành phố giao nhiệm vụ chuyển giao quyết định, Chủ tịch UBND các phường, xã nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính phải cử cán bộ kiểm tra, đôn đốc người vi phạm thực hiện quyết định.

2. Nếu quá thời hạn tự nguyện chấp hành được ghi trong quyết định mà người vi phạm chưa thực hiện thì người được Chủ tịch UBND thành phố giao nhiệm vụ chuyển giao quyết định phải lập biên bản về việc người vi phạm không thực hiện QĐ.XPHC, QĐ.KPHQ.

3. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện chấp hành được ghi trong quyết định mà người vi phạm không thực hiện thì người được Chủ tịch UBND thành phố giao nhiệm vụ chuyển giao quyết định phải lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thành phố ra QĐ.CCHC.

Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thành phố ra QĐ.CCHC gồm:

- Báo cáo việc đối tượng bị xử lý hành chính không tự nguyện thi hành.
- Bản gốc biên bản về việc người vi phạm không thực hiện QĐ.XPHC, QĐ.KPHQ.

Điều 17. Trình tự thủ tục Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế hành chính để thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra của Chủ tịch UBND thành phố; quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra của Chủ tịch UBND các phường, xã

1. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố:

a) Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo khoản 2 Điều 11 hoặc khoản 3 Điều 16 Quy định này phải kiểm tra hồ sơ, dự thảo, trình ký, phát hành QĐ.CCHC;

Trường hợp cần xem xét, xác minh thời gian trên có thể được kéo dài, nhưng không quá 20 ngày làm việc;

b) Đối với vụ việc phức tạp, sau khi có ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố, không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến, chuyển hồ sơ đề nghị cưỡng chế hành chính cho Phòng Tư pháp thẩm định;

Hồ sơ chuyển Phòng Tư pháp thẩm định gồm có:

- Bản sao toàn bộ hồ sơ do người đề nghị Chủ tịch UBND thành phố ra QĐ.CCHC chuyển đến theo khoản 2 Điều 11 hoặc khoản 3 Điều 16 Quy định này;

(Nếu hồ sơ yêu cầu Phòng Tư pháp thẩm định là loại hồ sơ theo khoản 3 Điều 16 Quy định này thì phải có bản sao toàn bộ hồ sơ xử lý vi phạm hành chính);

- Bản dự thảo QĐ.CCHC;

- Công văn yêu cầu Phòng Tư pháp thẩm định;

c) Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp theo khoản 2 Điều này phải chỉnh lý dự thảo quyết định (nếu có), trình ký và phát hành QĐ.CCHC;

d) Sau 01 ngày kể từ ngày ký, gửi quyết định cho người được Chủ tịch UBND thành phố giao nhiệm vụ chuyển giao quyết định cho người vi phạm.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký, phải gửi QĐ.CCHC cho UBND tỉnh, người được Chủ tịch UBND thành phố giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc cưỡng chế, Trưởng Công an thành phố, Chủ tịch UBND các phường, xã nơi tổ chức cưỡng chế và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm Trưởng phòng Tư pháp thành phố:

a) Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ yêu cầu thẩm định theo điểm b khoản 1 Điều này có báo cáo thẩm định bằng văn bản gửi Chủ tịch UBND thành phố;

b) Trường hợp vụ việc phức tạp, thời gian thẩm định có thể được kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc.

3. Trách nhiệm của người được Chủ tịch UBND thành phố giao nhiệm vụ chuyển giao QĐ.CCHC:

Tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển giao QĐ.CCHC của Chủ tịch UBND thành phố, người được yêu cầu phải hoàn thành việc chuyển giao quyết định theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 8 Quy định này và gửi ngay

biên bản chuyển giao quyết định, biên bản niêm yết quyết định (nếu có) cho Chủ tịch UBND thành phố (qua Văn phòng HĐND và UBND thành phố).

Chương VI

TRÌNH TỰ THỦ TỤC UBND CÁC PHƯỜNG, XÃ LẬP PHƯƠNG ÁN, ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN, ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LỰC LƯỢNG TỔ CHỨC CƯỖNG CHẾ HÀNH CHÍNH THEO QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ HÀNH CHÍNH CỦA CHỦ TỊCH UBND CÁC PHƯỜNG, XÃ

Điều 18. Trình tự thủ tục UBND các phường, xã tổ chức cưỡng chế hành chính theo quyết định cưỡng chế hành chính của Chủ tịch UBND các phường, xã

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày chuyển giao hoặc niêm yết QĐ.CCHC cho người bị cưỡng chế theo khoản 3 Điều 10 Quy định này, UBND các phường, xã phải hoàn thành việc lập phương án cưỡng chế bằng văn bản.

2. Đối với các vụ việc cưỡng chế phức tạp, cần sự hỗ trợ về lực lượng, phương tiện của nhiều ngành thuộc thành phố thì trong thời hạn theo khoản 1 Điều này, Chủ tịch UBND các phường, xã phải lập tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND thành phố chỉ đạo lực lượng hỗ trợ.

Hồ sơ đề nghị gồm:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ việc cưỡng chế hành chính. Nội dung tờ trình gồm: lý do yêu cầu hỗ trợ; số lượng người của từng cơ quan tham gia cưỡng chế; số lượng, loại phương tiện hỗ trợ;

- Phương án cưỡng chế hành chính.

3. Trong thời hạn từ 05 ngày đến 30 ngày làm việc kể từ ngày chuyển giao hoặc niêm yết quyết định cho người bị cưỡng chế theo khoản 3 Điều 10 Quy định này hoặc kể từ ngày Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến chỉ đạo hỗ trợ cưỡng chế hành chính theo khoản 2 Điều 20 Quy định này, UBND các phường, xã phải tổ chức cưỡng chế hành chính.

4. Thông báo cưỡng chế:

Ít nhất 03 ngày trước ngày tổ chức cưỡng chế, cơ quan, đơn vị tổ chức cưỡng chế phải có thông báo bằng văn bản gửi cho người bị cưỡng chế. Nội dung thông báo thể hiện rõ thời gian, địa điểm cưỡng chế, nội dung cưỡng chế, yêu cầu người bị cưỡng chế phải có mặt tại địa điểm cưỡng chế để chấp hành việc cưỡng chế, các yêu cầu khác (nếu có).

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị được Chủ tịch UBND thành phố giao nhiệm vụ thực hiện việc cưỡng chế hành chính để thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính của Chủ tịch UBND thành phố

1. Lập phương án cưỡng chế, đề nghị phê duyệt phương án cưỡng chế:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản phân công chủ trì việc tổ chức thi hành QĐ.CCHC của Chủ tịch UBND thành phố, cơ quan, đơn vị được phân công phải hoàn thành việc lập phương án cưỡng chế bằng văn bản, đề nghị Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt;

b) Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cưỡng chế theo điểm a khoản này gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án cưỡng chế;
- Phương án cưỡng chế (03 bộ).

2. Tổ chức cưỡng chế:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án cưỡng chế đã được phê duyệt, cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì cưỡng chế phải tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo phương án;

b) Đối với các vụ việc phức tạp, thời gian trên có thể được kéo dài nhưng không quá 30 ngày làm việc;

c) Trong trường hợp cần kéo dài thêm thời gian theo quy định tại điểm b khoản này, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện cưỡng chế hành chính phải có văn bản xin gia hạn, được Chủ tịch UBND thành phố chấp thuận.

3. Thông báo cưỡng chế:

Việc tổ chức cưỡng chế theo khoản 2 Điều này phải có thông báo bằng văn bản.

Thông báo cưỡng chế áp dụng theo khoản 4 Điều 18 Quy định này.

Điều 20. Quy định trình tự thủ tục Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt phương án cưỡng chế hoặc có ý kiến chỉ đạo lực lượng hỗ trợ cưỡng chế

1. Phê duyệt phương án cưỡng chế để thực hiện QĐ.CCHC của Chủ tịch UBND thành phố:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị theo khoản 1 Điều 19 Quy định này, Văn phòng HĐND và UBND thành phố kiểm tra, trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt trực tiếp vào phương án cưỡng chế hành chính;

b) Sau 01 ngày kể từ ngày phê duyệt, Văn phòng HĐND và UBND thành phố chuyển phương án cưỡng chế hành chính đã được phê duyệt (02 bộ) cho cơ quan, đơn vị được giao chủ trì cưỡng chế hành chính.

2. Có ý kiến chỉ đạo hỗ trợ cưỡng chế hành chính để các phường, xã thực hiện việc cưỡng chế:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ cưỡng chế hành chính của Chủ tịch UBND các phường, xã theo khoản 2 Điều 18 Quy định này, Văn phòng HĐND và UBND thành phố kiểm tra, trình Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến chỉ đạo;

b) Sau 01 ngày kể từ ngày Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến chỉ đạo, Văn phòng HĐND và UBND thành phố chuyển văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố cho Chủ tịch UBND các phường, xã (là người đề nghị hỗ trợ) để thực hiện.

Chương VII

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RA QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ VÀ TỔ CHỨC CƯỠNG CHẾ THU HỒI ĐẤT

THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 39 LUẬT ĐẤT ĐAI

Điều 21. Thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất

1. UBND thành phố có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quyết định thu hồi đất do UBND thành phố ký ban hành.

2. Trường hợp UBND thành phố ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện quyết định thu hồi đất do UBND tỉnh ký ban hành thì phải được UBND tỉnh ủy quyền bằng văn bản.

Điều 22. Quyết định cưỡng chế thu hồi đất

Việc ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất phải thực hiện đúng trình tự thủ tục theo Điều 60 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ và trình tự thủ tục quy định tại bản Quy định này.

Điều 23. Lập hồ sơ đề nghị UBND thành phố ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất

1. Sau 35 ngày kể từ ngày thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất hoặc kể từ ngày chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất nhưng người có đất bị thu hồi cố tình không nhận tiền, không bàn giao đất cho HĐBT.HT và TĐC thì Phòng Tài nguyên và Môi trường - cơ quan thường trực HĐBT.HT và TĐC lập hồ sơ đề nghị UBND thành phố ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

2. Hồ sơ đề nghị theo khoản 1 Điều này gồm có:

a) Bản sao văn bản về chủ trương thu hồi đất hoặc văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư của UBND tỉnh hoặc UBND thành phố;

b) Bản sao biên bản niêm yết công khai các văn bản nêu tại điểm a khoản này của UBND các phường, xã; (MS 04)

c) Bản sao quyết định xét duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

d) Bản sao biên bản cuộc họp thông báo về việc thu hồi đất cho người đang sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ do thường trực HĐBT.HT và TĐC chủ trì;

đ) Bản sao quyết định thu hồi đất;

e) Bản sao biên bản chuyển giao (MS 05) và biên bản niêm yết quyết định thu hồi đất (MS 06) theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ;

g) Bản sao bản kê khai đất đai, tài sản bị ảnh hưởng do việc thu hồi đất;

h) Bản sao biên bản kiểm tra đất đai, tài sản bị thiệt hại do việc thu hồi đất;

i) Bản sao phương án cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (chưa phê duyệt) và biên bản niêm yết phương án; (MS 07)

k) Bản sao quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (kèm theo phương án) và biên bản niêm yết phương án, quyết định đó; (MS 08)

Bản sao biên bản chuyển giao quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất thu hồi; (MS 09)

l) Bản sao văn bản thông báo cho người có đất bị thu hồi về thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; danh sách nhận tiền có chữ ký của người nhận (nếu có);

m) Trường hợp người bị thu hồi đất được bố trí tái định cư, được nhà nước giao đất ổn định chỗ ở thì phải có bản sao biên bản bàn giao nhà hoặc đất ở và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở (MS 10) hoặc biên bản thỏa thuận giữa HĐBT.HT và TĐC với người có đất bị thu hồi về việc giao nhận nhà ở, đất ở sau khi giải phóng mặt bằng; (MS 11)

n) Bản sao biên bản của UBND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường, xã về vận động thuyết phục người có đất bị thu hồi chấp hành việc bàn giao đất đã bị thu hồi cho nhà nước nhưng người có đất bị thu hồi không chấp hành việc bàn giao đất;

o) Bản gốc biên bản kiểm tra việc chấp hành quyết định thu hồi đất; (MS 12)

p) Tờ trình đề nghị UBND thành phố ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Điều 24. Trình tự, thủ tục UBND thành phố ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất

1. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố:

a) Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo khoản 2 Điều 23 Quy định này phải kiểm tra hồ sơ, dự thảo, trình ký, phát hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất;

Trường hợp cần xem xét, xác minh thời gian trên có thể được kéo dài nhưng không quá 20 ngày làm việc;

b) Đối với vụ việc phức tạp, sau khi có ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố, không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến, chuyển hồ sơ đề nghị ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất để Phòng Tư pháp thẩm định;

Hồ sơ chuyển Phòng Tư pháp thẩm định gồm có:

- Bản sao hồ sơ theo khoản 2 Điều 23 Quy định này;
- Dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất;
- Công văn yêu cầu thẩm định;

c) Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp theo khoản 2 Điều này phải chỉnh lý dự thảo quyết định (nếu có) trình ký và phát hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất;

d) Sau 01 ngày kể từ ngày ký, gửi quyết định cưỡng chế thu hồi đất cho Chủ tịch UBND phường, xã nơi cưỡng chế thu hồi đất để Chủ tịch UBND phường, xã chuyển giao quyết định cho người bị cưỡng chế.

2. Trách nhiệm của Phòng Tư pháp thành phố:

Việc thẩm định hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất của Phòng Tư pháp áp dụng theo khoản 2 Điều 17 Quy định này.

3. Chuyển giao quyết định cưỡng chế thu hồi đất:

Việc chuyển giao quyết định cưỡng chế thu hồi đất áp dụng theo khoản 3 Điều 17 Quy định này.

Điều 25. Lập phương án cưỡng chế, phê duyệt phương án cưỡng chế, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất

1. Cơ quan, đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ thực hiện việc tổ chức cưỡng chế thu hồi đất có trách nhiệm lập phương án cưỡng chế, đề nghị phê duyệt phương án cưỡng chế, tổ chức việc cưỡng chế.

2. Lập phương án cưỡng chế, đề nghị phê duyệt phương án cưỡng chế:

Việc lập và đề nghị phê duyệt phương án cưỡng chế thu hồi đất áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quy định này.

3. Phê duyệt phương án cưỡng chế:

Việc phê duyệt phương án cưỡng chế thu hồi đất áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Quy định này.

4. Tổ chức cưỡng chế:

a) Trong thời hạn từ 15 ngày đến 30 ngày kể từ ngày trực tiếp giao quyết định cưỡng chế hoặc ngày niêm yết công khai quyết định cưỡng chế theo khoản 3 Điều 24

Quy định này và đã có phương án cưỡng chế đã được phê duyệt thì cơ quan, đơn vị được UBND thành phố giao nhiệm vụ tổ chức cưỡng chế thực hiện việc cưỡng chế theo phương án;

b) Trường hợp cần kéo dài thêm thời gian theo quy định tại điểm a khoản này, đơn vị chủ trì việc cưỡng chế phải có văn bản xin gia hạn, được UBND thành phố chấp thuận.

5. Thông báo cưỡng chế thu hồi đất:

Việc tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo khoản 4 Điều này phải có thông báo bằng văn bản.

Thông báo cưỡng chế thu hồi đất áp dụng theo khoản 4 Điều 18 Quy định này.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

Cá nhân, đơn vị thực hiện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý đất đai, hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị, quản lý sử dụng nhà; thực hiện đầy đủ, kịp thời trong lập hồ sơ đề nghị cưỡng chế thu hồi đất, tổ chức tốt việc cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật, sẽ được Chủ tịch UBND thành phố quyết định khen thưởng đột xuất hoặc được xét khen thưởng hàng năm theo Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài việc bị xử lý vi phạm theo khoản 1 Điều này Chủ tịch UBND các phường, xã, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố còn bị Chủ tịch UBND thành phố xử lý vi phạm theo Điều 28, Điều 29 và Điều 30 Quy định này.

Điều 28. Xử lý vi phạm đối với Chủ tịch UBND các phường, xã vi phạm quy định về xử lý vi phạm hành chính, lập hồ sơ cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật và Quy định này đối với các lĩnh vực đất đai, trật tự xây dựng

1. Kiểm điểm trước Chủ tịch UBND thành phố nếu có vi phạm sau đây:

a) Chậm phát hiện hành vi vi phạm hành chính của công dân mà vi phạm đó có ảnh hưởng xấu cho cộng đồng, xã hội, khó khắc phục hậu quả hoặc việc chậm phát hiện hành vi vi phạm là nguyên nhân gây tổn thất tài sản của nhà nước, của nhân dân khi bị nhà nước cưỡng chế;

b) Chậm trễ trong việc xử lý vi phạm hành chính theo sự chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thành phố; đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố mà nguyên nhân chậm trễ là do chủ quan, thiếu trách nhiệm;

c) Chậm trễ trong việc xử lý vi phạm hành chính dẫn đến hết thời hiệu, thời hạn xử phạt vi phạm hành chính; hoặc do việc chậm trễ xử lý nên mức độ vi phạm hành chính phát triển với quy mô lớn hơn dẫn đến vượt quá thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND các phường, xã;

d) Lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, hồ sơ thu hồi đất không đầy đủ, không chính xác, không đúng thời gian quy định làm trở ngại, khó khắc phục trong việc xử lý vi phạm hành chính, cưỡng chế thu hồi đất;

đ) Thiếu trách nhiệm trong việc phối hợp với HĐBT.HT và TĐC lập hồ sơ cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất.

2. Kiểm điểm trước tập thể UBND các phường, xã nếu có vi phạm sau đây:

a) Tái phạm quy định tại khoản 1 Điều này lần thứ 02 trong một năm;

b) Vi phạm lần thứ nhất theo khoản 1 Điều này nhưng gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Bị Chủ tịch UBND thành phố đình chỉ công tác có thời hạn để tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm:

a) Tái phạm quy định tại khoản 1 Điều này lần thứ 03 trở lên trong một nhiệm kỳ;

b) Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này nhưng Chủ tịch UBND thành phố xét thấy cần đình chỉ công tác để tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm.

Điều 29. Xử lý vi phạm Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố trong việc lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính thuộc các lĩnh vực đất đai, trật tự xây dựng

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hoặc được quy định trong bản Quy định này, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn bị Chủ tịch UBND thành phố xử lý vi phạm bằng các hình thức:

1. Kiểm điểm trước Chủ tịch UBND thành phố nếu có vi phạm sau đây:

a) Buông lỏng quản lý, không cử cán bộ phụ trách địa bàn, không kịp thời phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính của công dân, đồng thời thiếu kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch UBND các phường, xã xử lý vi phạm hành chính dẫn đến nhiều vi phạm hành chính trên địa bàn không được xử lý;

b) Chậm trễ trong việc lập hồ sơ đề nghị người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính dẫn đến quá thời hạn, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, làm trở ngại khó khắc phục trong việc xử lý vi phạm hành chính;

c) Vi phạm 02 lần trong một năm đối với việc sai sót trong lập, kiểm tra, thẩm định, dự thảo trình ký, phát hành văn bản đối với hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, không bảo đảm thời gian theo quy định mà vi phạm đó dẫn đến trở ngại khó khắc phục trong việc xử lý vi phạm hành chính;

d) Chậm trễ trong việc thực hiện cưỡng chế hành chính theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại bản Quy định này hoặc theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố mà nguyên nhân chậm trễ là do chủ quan, thiếu trách nhiệm.

2. Bị Chủ tịch UBND thành phố đình chỉ công tác có thời hạn, kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm:

a) Tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này nhưng gây hậu quả nghiêm trọng khó khắc phục.

Điều 30. Xử lý vi phạm đối với Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố có liên quan đối với hồ sơ cưỡng chế thu hồi đất

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; được phân công nhiệm vụ hoặc được quy định trong bản Quy định này, Phó Chủ tịch Thường trực HĐBT.HT và TĐC, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố có liên quan bị Chủ tịch UBND thành phố xử lý vi phạm bằng các hình thức sau đây:

1. Kiểm điểm trước Chủ tịch UBND thành phố nếu có hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm 02 trường hợp trong một năm đối với hành vi không thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất, không tập hợp đầy đủ hồ sơ thu hồi đất, chậm trễ trong lập hồ sơ đề nghị ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất, lập hồ sơ không đầy đủ, không đúng quy định dẫn đến gây trở ngại trong việc ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất mà hành vi này là nguyên nhân làm chậm tiến độ thực hiện phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư;

b) Vi phạm 02 lần trong một năm đối với hành vi thực hiện chậm trễ, có sai sót mà việc chậm trễ, sai sót đó là nguyên nhân làm chậm tiến độ thực hiện phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư bao gồm: kiểm tra, thẩm định, dự thảo trình ký, phát hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất;

c) Chậm trễ trong việc thực hiện tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo sự chỉ đạo của UBND thành phố mà việc chậm trễ đó do nguyên nhân chủ quan, thiếu trách nhiệm.

2. Bị Chủ tịch UBND thành phố đình chỉ công tác có thời hạn, kiểm điểm làm rõ trách nhiệm:

a) Tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, khó khắc phục.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký. Ban hành kèm theo Quy định này Phụ lục 12 mẫu biên bản để sử dụng trong quá trình xử lý vi phạm hành chính và ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

Phòng Tư pháp thành phố chịu trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đào Tấn Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Chuyển giao quyết định
(Mẫu dùng chung)

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Tiến hành lập biên bản chuyển giao Quyết định số, ngày
 tháng năm của V/v cho:

Ông (bà)/tổ chức:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD

Cấp ngày tại

Ông (bà)/tổ chức

đã nhận/không nhận quyết định (hoặc vắng mặt)

Việc chuyển giao kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao
 cho ông (bà)/tổ chức

Biên bản này gồm trang, được cá nhân, đại diện tổ chức nhận quyết định, người
 chứng kiến, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔ CHỨC CHUYỂN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC

NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nếu không ký phải ghi rõ lý do)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Niêm yết quyết định xử phạt vi phạm hành chính
(Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả
do vi phạm hành chính gây ra)**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Hôm nay, hồi giờ ngày ... tháng ... năm tại trụ sở UBND

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Tiến hành niêm yết công khai Quyết định số, ngày tháng năm của V/v xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Đối tượng vi phạm:

Địa chỉ:

Việc niêm yết kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản này gồm trang, được tất cả mọi người có mặt cùng ký tên.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN*(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI NIÊM YẾT***(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN***(Ký, ghi rõ họ tên)***ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN***(Ký, ghi rõ họ tên)*

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Kiểm tra việc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính
(Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả
do vi phạm hành chính gây ra)**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Tiến hành lập biên bản kiểm tra việc thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính (hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra) của:

Ông (bà)/tổ chức:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD

Cấp ngày tại

Đã quá thời hạn tự nguyện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra) số: ngày ... tháng ... năm của UBND nhưng ông (bà)/tổ chức:

vẫn không tự nguyện thi hành. Cụ thể hiện trường như sau:

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho ông (bà)/tổ chức

Biên bản này gồm trang, được cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm hành chính, người chứng kiến, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):

Biên bản này được lập để làm cơ sở cho việc ra quyết định cưỡng chế thi hành.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔ CHỨC CHUYỂN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC VI PHẠM

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nếu không ký phải ghi rõ lý do)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Niêm yết văn bản về chủ trương thu hồi đất
hoặc văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm tại trụ sở UBND/Điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Tiến hành niêm yết công khai (tên loại văn bản) số, ngày tháng năm của V/v

Việc niêm yết kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản này gồm trang, được tất cả mọi người có mặt cùng ký tên.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN*(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI NIÊM YẾT***(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN***(Ký, ghi rõ họ tên)***ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN***(Ký, ghi rõ họ tên)*

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Chuyển giao quyết định thu hồi đất**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Tiến hành lập biên bản chuyển giao Quyết định số ngày tháng năm V/v thu hồi đất cho:

Đối tượng bị thu hồi đất: ông (bà)

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Cấp ngày tại

Ông (bà): đã nhận quyết định (hoặc không nhận quyết định)

Việc chuyển giao kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho ông (bà)

Biên bản này gồm trang, được đối tượng nhận chuyển giao quyết định, người chứng kiến, người lập biên bản ký xác nhận.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔ CHỨC CHUYỂN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỐI TƯỢNG NHẬN CHUYỂN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nếu không ký phải ghi rõ lý do)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Niêm yết quyết định thu hồi đất****(bao gồm quyết định thu hồi đất tổng thể và quyết định thu hồi đất của cá nhân)**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng ... năm tại trụ sở UBND

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Tiến hành niêm yết công khai Quyết định số, ngày tháng năm của V/v thu hồi đất

Việc niêm yết kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản này gồm trang, được tất cả mọi người có mặt cùng ký tên.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN*(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI NIÊM YẾT***(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN***(Ký, ghi rõ họ tên)***ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN***(Ký, ghi rõ họ tên)*

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Niêm yết phương án cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để lấy ý kiến góp ý**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Hôm nay, hồi giờ ngày ... tháng ... năm tại trụ sở UBND/Điểm sinh hoạt khu dân cư có đất bị thu hồi.

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Đại diện những người có đất bị thu hồi:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Tiền hành niêm yết công khai phương án để các đối tượng bị thu hồi đất và những người có liên quan tham gia ý kiến.

Việc niêm yết kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản này gồm trang, được tất cả mọi người có mặt cùng ký tên.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN*(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI NIÊM YẾT***(Ký, ghi rõ họ tên)*

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI CÓ ĐẤT
BỊ THU HỒI**
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN UBMTTQ XÃ, PHƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Niêm yết quyết định phê duyệt kèm phương án cụ thể về bồi thường,
hỗ trợ, tái định cư**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng ... năm tại trụ sở UBND/Điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Tiến hành niêm yết công khai Quyết định số, ngày tháng năm của V/v phê duyệt phương án (kèm theo phương án).

Việc niêm yết kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản này gồm trang, được tất cả mọi người có mặt cùng ký tên.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN*(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI NIÊM YẾT***(Ký, ghi rõ họ tên)***NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN***(Ký, ghi rõ họ tên)***ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN***(Ký, ghi rõ họ tên)*

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Chuyển giao quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm tại

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ:

2. Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

2. Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp; Nơi cấp:

Tiến hành lập biên bản chuyển giao Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho:

Đối tượng bị thu hồi đất: ông (bà)

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân số:

Cấp ngày tại

Ông (bà): đã nhận quyết định (hoặc không nhận quyết định)

Việc chuyển giao kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho ông (bà)

Biên bản này gồm trang, được đối tượng nhận chuyển giao quyết định, người chứng kiến, người lập biên bản ký xác nhận.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔ CHỨC CHUYỂN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỐI TƯỢNG NHẬN CHUYỂN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nếu không ký phải ghi rõ lý do)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ông (bà): đã nhận nhà ở hoặc đất ở và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu đất ở.

Việc chuyển giao kết thúc vào lúc giờ cùng ngày.

Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho ông (bà)

Biên bản này gồm trang, được những người có mặt ký xác nhận vào từng trang.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN BÀN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN BÀN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ghi rõ thời gian cụ thể sẽ tiến hành bàn giao)

Biên bản kết thúc vào lúc giờ cùng ngày, được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho ông (bà)

Biên bản này gồm trang, được những người có mặt ký xác nhận vào từng trang.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN THỎA THUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN THỎA THUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau. Một bản được giao cho ông (bà)

Biên bản này gồm trang, được đối tượng bị thu hồi đất, người chứng kiến, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)

Biên bản này được lập để làm cơ sở cho việc ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TỔ CHỨC CHUYỂN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỐI TƯỢNG BỊ THU HỒI ĐẤT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nếu không ký phải ghi rõ lý do)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)